

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2026/DS-ST
Ngày: 03/02/2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 144/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hoàn T1**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị Hoàn T1 có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Hạ Tứ A**, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 23/7/2025, Bản tự khai ngày 05/11/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T là bà Nguyễn Thị Hoàn T1 trình bày như sau:

Do có quen biết từ trước nên ngày 05/01/2021, ông Phan Văn T có cho ông Hạ Tứ A vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích vay tiền là để ông A có vốn làm ăn, thời hạn vay là 01 (một) năm. Khi vay tiền ông A có viết “Giấy mượn nợ và cam kết thanh toán ngày 05/01/2021”, ông A ký tên và ghi rõ họ tên đầy đủ bên dưới mục người mượn nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/ tháng. Ông A cam kết đến ngày 05/01/2022 sẽ trả lại cho ông T số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và số tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên cho đến nay thì ông A không trả tiền gốc, cũng như tiền lãi cho ông T dù đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu trả nợ.

Do đó, ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hạ Tứ A phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 76.300.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi tạm tính từ ngày 06/01/2021 đến ngày 23/7/2025 với mức lãi suất 20%/năm (1,67%/tháng) với số tiền là 36.300.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) và tiếp tục phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/ năm cho đến thời điểm Tòa án giải quyết xong.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ cho ông Hạ Tứ A các văn bản tố tụng nhưng ông Hạ Tứ A vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Hạ Tứ A.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ông Hạ Tứ A trả số tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hạ Tứ A có nơi cư trú tại ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hạ Tứ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hạ Tứ A là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Ông Phan Văn T khởi kiện cho rằng có cho ông Hạ Tứ A vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến nay chưa trả. Vì vậy, ông Phan Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hạ Tứ A trả số tiền nợ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi 20%/năm từ ngày 06/01/2021 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (03/02/2026). Cơ sở khởi kiện là “Giấy mượn nợ và cam kết thanh toán ngày 05/01/2021”.

Xét, “Giấy mượn nợ và cam kết thanh toán ngày 05/01/2021” có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ cụ thể của ông Hạ Tứ A, thể hiện rõ ông Hạ Tứ A đã nhận đủ số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay là giao tài sản cho bên vay đầy đủ. Tuy nhiên, khi có yêu cầu trả nợ của ông Phan Văn T thì ông Hạ Tứ A không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hạ Tứ A đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Hạ Tứ A vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, đã thể hiện tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ông Hạ Tứ A nếu có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của ông Phan Văn T thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng ông Hạ Tứ A không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho sự phản đối của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T về số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất hợp đồng vay: Ông Phan Văn T yêu cầu tính lãi số tiền vay với lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 06/01/2021 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (ngày 03/02/2026).

Xét thấy, hợp đồng vay giữa ông Phan Văn T và ông Hạ Tứ A là Hợp đồng vay có thời hạn, có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 3%/tháng ($\approx 36\%$ /năm) là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, ông Phan Văn T yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn số tiền vay của ông Hạ Tứ A với lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 468, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times (\text{từ ngày } 06/01/2021 \text{ đến ngày } 03/02/2026)$
 $05 \text{ năm } 28 \text{ ngày} = 40.704.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Vậy, ông Hạ Tứ A có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn T số tiền vay là 80.704.000 đồng (T2 trăm hai mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng), bao gồm 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 40.704.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền lãi.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Phan Văn T không phải chịu án phí và ông Hạ Tứ A phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$80.704.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.035.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với ông Hạ Tứ A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Hạ Tứ A có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn T số tiền vay là 80.704.000 đồng (T2 trăm hai mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng), bao gồm 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc, 40.704.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Hạ Tứ A phải chịu số tiền án phí là 4.035.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn H lại cho ông Phan Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.907.500 đồng (Một triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005583 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT, TT&THA);
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- THADS Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Long Hồ